TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH HÀ GIANG Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *B, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tráng Thị X, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- Bị đơn: Anh Bàn Văn D, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tráng Thị X và anh Bàn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Tráng Thị X và anh Bàn Văn D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Tráng Thị X và anh Bàn Văn D thỏa thuận:

Chị Tráng Thị X là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Bàn Văn K, sinh ngày 03/8/2008 để anh Bàn Văn D nuôi dưỡng hai

cháu Bàn Văn Q, sinh ngày 04/8/2009 và Bàn Văn T, sinh ngày 1/7/2011, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Tráng Thị X và anh Bàn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Tráng Thị X tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* chị Tráng Thị X đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang, theo biên lai số 04481 ngày 11 tháng 9 năm 2020, chị Tráng Thị X được trả lại 150.00đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Bàn Văn D không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận